TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2018.
V/v "Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyến và ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Lê Quý Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H – Luật sư thuộc Hội Luật gia TP. Đ.

Địa chỉ: 420 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2017, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (P) và anh Trần Minh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2006, vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm và đánh đập tôi. Mặc dù, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng cùng nhau làm ăn và nuôi con nhưng anh Đ vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho tôi và anh Trần Minh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là: Lê Kim H, sinh ngày 04/9/2009. Nguyện vọng của tôi là được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do tôi buôn bán hiện nay cũng khó khăn nên tôi yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi tạo lập được một số tài sản chung nhất định nhưng chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô P, chúng tôi chung sống như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến cải vả, xúc phạm nhau và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì chúng tôi có 01 con chung là cháu: Lê Kim H, sinh ngày 04/9/2009, tôi đồng giao con chung cho cô P nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Thu nhập hiện nay của tôi là đi làm công hàng ngày và 05 sào rẫy trồng hoa màu, nên mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng theo yêu cầu của cô P là cao so với thu nhập của tôi, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật .

Về phần tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 16/01/2018 anh Đức có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung, nhưng sau khi hòa giải chúng tôi đã tự thỏa thuận việc chia tài sản và công nợ, nên tôi có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo trình tự quy định của pháp luật, đại diện viện kiển sát không có ý kiến gì thêm. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P và anh Trần Minh Đ; về con chung: giao cháu Lê Kim H cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con đề nghị HĐXX xem xét buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị P và anh Trần Minh Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn.Chị P và anh Đ đều nhận định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Đ.Việc chị Lê Thị P và anh Trần Minh Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó HĐXX áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị P và anh Đ công nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung là: Lê Kim H, sinh ngày 04/9/2009, chị P và anh Đ thống nhất giao cháu H cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án chị P không yêu cầu, tại phiên tòa chị P bổ sung yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị P phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Về mức cấp dưỡng; do nguồn thu nhập của anh Đ thấp và không thường xuyên, nên cần buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị P mỗi tháng là 500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bị đơn anh Trần Minh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, Tòa án đã thụ lý yêu cầu của anh Đ, sau khi thụ lý yêu cầu chia tài sản, anh Đ và chị P tự thỏa thuận phân chia tài sản. Ngày 10/5/2018 anh Đ có đơn rút yêu cầu chia tài sản, xét yêu cầu của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14; 15; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P anh Trần Minh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Kim H, sinh ngày 04/9/2009, chị Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Minh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị P mỗi tháng là 500.000 đồng, kể từ ngày 31/5/2018 cho đến khi cháu Lê Kim H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chi tài sản chung của bị đơn anh Trần Minh Đ.

- Về án phí:

Buộc chị Lê Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện K theo biên lai thu tiền số 0001402 ngày 30/11/2017.

Buộc anh Trần Minh Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện K theo biên lai số 0001430 ngày 16/01/2018, anh Trần Minh Đ được hoàn trả số tiền 3.075.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) .

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp phần trách nhiệm dân sự của bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý